

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Kinh tế học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **Nguyễn Anh Tru**

2. Ngày tháng năm sinh: 19/11/1978; Nam ☒ ; ☒ Nữ ; ☐ Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Xuân Phong, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số 4, hẻm 68/3/6, tổ dân phố Nông Lâm, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Số 4, hẻm 68/3/6, tổ dân phố Nông Lâm, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: (024) 3 8767 808; Điện thoại di động: 0974 926 889; E-mail: nguyenanhtru@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 05 năm 2001 đến tháng 12 năm 2007: Là giảng viên Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội

Từ tháng 01 năm 2008 đến nay: Là giảng viên Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Chức vụ: Hiện nay: Phó Bí thư Chi bộ, Phó Trưởng Khoa; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng Bộ môn

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Địa chỉ cơ quan: Tầng 4, nhà Hành chính, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: (024) 6261 7554

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 10 tháng 10 năm 2000; số văn bằng: C 0252267; ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Kinh tế nông nghiệp; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Nông nghiệp I, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 28 tháng 01 năm 2009; số văn bằng:; ngành: Kinh tế nông nghiệp; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Los Baños, Cộng hòa Philippines

- Được cấp bằng TS ngày 22 tháng 02 năm 2019; số văn bằng: 30168112; ngành: Quản trị; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Newcastle, Australia

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Nông nghiệp Việt Nam

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Chuyên ngành Kinh tế học

a) Hướng nghiên cứu 1: Kinh tế phát triển

- Những đóng góp mới của các kết quả nghiên cứu:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

+ Về lý luận: (1) Góp phần hệ thống hóa các lý thuyết kinh tế, kinh tế phát triển; và (2) Xây dựng các mô hình diễn tả sự liên quan giữa các yếu tố kinh tế, xã hội và môi trường để từ đó đánh giá mối quan hệ và sự ảnh hưởng giữa các yếu tố.

+ Về thực tiễn: (1) Tổng quan các tài liệu nghiên cứu về kinh tế phát triển; (2) Đánh giá mối quan hệ và sự ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế, xã hội và môi trường (tăng trưởng kinh tế, độ mở thương mại, đầu tư trực tiếp nước ngoài, thất nghiệp, lạm phát, phát triển tài chính, giá dầu thô, tiêu thụ năng lượng, v.v...) ở các nước trên thế giới và Việt Nam thông qua sử dụng số liệu theo chuỗi thời gian; và (3) Đề xuất các chính sách góp phần phát triển kinh tế, tạo việc làm, thúc đẩy thương mại và đảm bảo phát triển bền vững cho các quốc gia và khu vực trên thế giới.

+ Về giáo dục và đào tạo: Các kết quả nghiên cứu được sử dụng trong giảng dạy và hướng dẫn học viên và sinh viên các ngành Quản lý kinh tế, Quản trị kinh doanh.

+ Về tài liệu và bài giảng: Các kết quả nghiên cứu được sử dụng làm tư liệu giảng dạy đối với các học phần như Thị trường và giá cả nâng cao, Phân tích thị trường và giá cả.

- *Bài báo và báo cáo khoa học:*

+ Số lượng: 23 (16 bài báo và 07 báo cáo khoa học)

+ Bài báo:

✓ Bài báo tiếng Anh:

[1] **Anh Tru Nguyen (2017)**. Impacts of macroeconomic indicators on economic growth in Southeast Asia: A panel data analysis. *Journal of Economics and Business Research*, 23(2), 111-128.

[2] **Nguyen Anh Tru (2018)**. Energy use and policy implications for energy security in Asia: A panel data approach. *Journal of Asian Energy Studies*, 2(1), 10-28. DOI: 10.24112/jaes.020102. Available at: <https://repository.hkbu.edu.hk/jaes/vol2/iss1/2>.

[3] **Nguyen Anh Tru (2018)**. Determinants affecting economic growth: The case of Viet Nam. *International Journal of Business & Economics*, 3(1), 1-11. Available at <https://doi.org/10.5281/zenodo.1341198>.

[4] **Anh Tru Nguyen (2018)**. Examining the relationship between tourism and economic growth in Southeast Asia: A vector autoregressive model approach. *International Tourism and Hospitality Journal*, 1(2), 1-17.

[5] **Anh Tru Nguyen (2018)**. The relationship among economic growth, trade, unemployment, and inflation in South Asia: A vector autoregressive model approach. *Asian Journal of Economics and Empirical Research*, 5(2), 165-172. DOI: 10.20448/journal.501.2018.52.165.172.

[6] **Kunmin Kim and Nguyen Anh Tru (2018)**. Enhancement of trade and investment in agriculture between Australia and Vietnam: Opportunities and challenges. *Asian Journal of Agriculture and Development*, 15(2), 93-108.

[7] **Anh Tru Nguyen (2018)**. The relationship between external debt, economic growth, unemployment and national expenditure in Viet Nam: A vector autoregressive model approach. *Journal of Economics and Management Sciences*, 1(2), 129-140. DOI: <https://doi.org/10.30560/jems.v1n2p129>.

[8] **Anh Tru Nguyen (2019)**. The relationship between economic growth, foreign direct investment and unemployment in Central Asia: A vector autoregressive model approach. *Journal of Contemporary Economic and Business Issues*, 6(1), 5-19. Available at: <https://journals.ukim.mk/index.php/jeccf/article/view/173/118>.

[9] **Anh Tru Nguyen (2019)**. The relationship between trade openness, economic growth, exchange rate and tariff rate: Evidence from Northeast Asia. *Journal of Management and Economic Studies*, 1(5), 10-22. DOI: 10.26677/TR1010.2019.132.

[10] **Anh Tru Nguyen (2019)**. The relationship between financial development, economic growth, and inflation: Evidence from Southeast Asia. *International Journal of Business, Economics and Management*, 6(4), 201-214. DOI: 10.18488/journal.62.2019.64.201.214.

[11] **Tru, N. A. (2019)**. The relationship between education, economic growth and unemployment: Evidence in Eastern Europe. *European Journal of Educational and Social Sciences*, 4(1), 55-72.

[12] **Anh Tru Nguyen (2020)**. The relationship between tourism and economic growth: Evidence from Oceania. *Journal of Tourism Management Research*, 7(1), 32-41. DOI: 10.18488/journal.31.2020.71.32.41.

[13] **Nguyen Anh Tru (2022)**. The impacts of social and economic determinants on poverty: An empirical study on Southeast Asia. *Vietnam Journal of Agricultural Sciences*, 5(2), 1506-1518. DOI: <https://doi.org/10.31817/vjas.2022.5.2.07>

[14] **Anh Tru Nguyen (2022)**. The relationship between crude oil prices, energy consumption, trade openness and economic growth: An empirical study on Vietnam. *Journal of International Studies*, 15(2), 94-106. Doi: 10.14254/2071-8330.2022/15-2/7.

[15] **Anh Tru Nguyen (2022)**. The relationship between economic growth, foreign direct investment, trade openness, and unemployment in South Asia. *Asian Academy of Management Journal*, 27(2), 21-40.

✓ Bài báo tiếng Việt:

[16] **Đặng Thị Kim Hoa, Bùi Thị Lâm, Nguyễn Trọng Tuynh, Nguyễn Anh Tru (2022)**. Phát triển thị trường khoa học và công nghệ trong nông nghiệp ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học & Công nghệ Việt Nam*, số 10 năm 2022, trang 13-16.

+ Báo cáo khoa học trình bày tại hội thảo:

[1] **Nguyen Anh Tru (2019)**. The relationship between tourism receipt, economic growth, inflation, energy consumption and carbon dioxide emissions: Evidence in Southeast Asia. *Paper presented at International Conference on Sustainable Tourism Development:*

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Lessons Learned for Southeast Asian Countries. 1 Le Thanh Tong Street, Hoan Kiem, Ha
Noi, Viet Nam, 3-4 December 2019.

[2] **Nguyen Anh Tru (2020)**. The relationship between carbon dioxide emissions, energy consumption, economic growth, and urbanization in Vietnam. *Paper in Proceedings of International Conference on Climate Change and Sustainability Management in Vietnam and Taiwan (ICCSM-2020)*, pp. 1–12. Labour – Social Publishing House. Ha Noi, 28 October 2020.

[3] **Nguyen Anh Tru, Dang Thi Kim Hoa, Bui Thi Lam and Nguyen Trong Tuynh (2021)**. Effects of economic growth, industrialization, and urbanization on carbon dioxide emissions: Evidence from Vietnam. *Paper in Proceedings of 13th International Conference on Socio-Economic and Environmental Issues in Development*, pp. 943–960. Finance Publishing House. Ha Noi, 10 June 2021.

[4] **Nguyen Anh Tru (2021)**. Effects of economic growth, electricity consumption, energy use, and urbanization on carbon dioxide emissions: An empirical study on Vietnam. *Paper presented at the Scientific Conference on Green Growth and Sustainable Development*. Khanh Hoa, 3 October 2021.

[5] **Nguyen Anh Tru, Ngo Thanh Son and Lai Van Manh (2021)**. The relationship between economic growth, employment, capital, and carbon dioxide emissions: The case of Vietnam. *Paper presented at the 2021 Annual Conference of the Economy & Environment Partnership for Southeast Asia (EEPSEA) on Environmental Economics in Southeast Asia: Transdisciplinary Approaches toward Sustainability & Enhancing Quality of Life*. Ho Chi Minh City, Vietnam. 1–3 December 2021.

[6] **Nguyen Anh Tru (2022)**. The relationship between foreign direct investment, trade openness, exchange rate, and economic growth: Evidence from Viet Nam. *Paper presented at the 27th IAGBT-KITRI Biannual International Conference & Research Symposium*. Virtual Conference. 20–22 January 2022.

[7] **Nguyen Anh Tru (2022)**. The nexus between trade openness, economic growth, foreign direct investment, and exchange rate: An empirical study on Viet Nam. *Paper presented at the International Conference of Business and Economics Issues for Building a More Sustainable and Socially Responsible Economy*. 30–31 March 2022.

Trong đó, bài báo uy tín:

+ Số lượng: 03

+ Số thứ tự bài báo uy tín: [6], [14], [15]

- Đề tài nghiên cứu khoa học các cấp:

+ 01 đề tài KH&CN cấp Bộ

Đề tài: Nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố nguồn lực (đất đai, lao động, vốn và trình độ đào tạo) đến thu nhập của nông hộ khu vực miền Trung Việt Nam

Vai trò: Thư ký đề tài

Kết quả nghiệm thu: Đạt

- Sách phục vụ đào tạo:

+ Số lượng: 01 chương sách tiếng Anh do NXB Elsevier xuất bản

+ Chương sách: **Nguyen Anh Tru**, Dang Thi Kim Hoa and Nguyen Trong Tuynh (2020). **Chapter 18: The success of the Saigon Co-op in the retail sector of Vietnam**, pp. 203–214 in Book: “*Waking the Asian Pacific Co-operative Potential*”. Elsevier Press, June 2020.

+ Vai trò: Là tác giả chính

- Hướng dẫn cao học:

b) Hướng nghiên cứu 2: Kinh tế nông nghiệp và marketing nông nghiệp

- Những đóng góp mới của các kết quả nghiên cứu:

+ Về lý luận: (1) Góp phần hệ thống hóa các lý thuyết kinh tế ứng dụng trong lĩnh vực kinh tế nông nghiệp và marketing nông nghiệp (lý thuyết chi phí giao dịch; lý thuyết quyền sở hữu tài sản; và lý thuyết tổ chức); và (2) Xây dựng các khung phân tích diễn tả sự liên quan giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản; và (3) Vận dụng lý thuyết kinh tế trong giải thích nội dung hợp đồng nông nghiệp.

+ Về thực tiễn: (1) Tổng quan các tài liệu nghiên cứu về lý thuyết chi phí giao dịch, lý thuyết quyền sở hữu tài sản và lý thuyết tổ chức; (2) Phân tích liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản; (3) Đánh giá sự ảnh hưởng của hợp đồng nông nghiệp đến năng suất và thu nhập của nông dân; (4) Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến biến động giá nông sản; và (5) Đề xuất giải pháp góp phần phát triển nông nghiệp công nghệ cao trong bối cảnh công nghiệp hóa và đô thị hóa.

+ Về giáo dục và đào tạo: Các kết quả nghiên cứu được sử dụng trong giảng dạy và hướng dẫn học viên và sinh viên các ngành Kinh tế, Kinh tế nông nghiệp, Quản lý kinh tế.

+ Về tài liệu và bài giảng: Các kết quả nghiên cứu được sử dụng làm tư liệu giảng dạy đối với các học phần như Thị trường và giá cả, Marketing nông nghiệp.

- Bài báo và báo cáo khoa học:

+ Số lượng: 08 (07 bài báo và 01 báo cáo khoa học)

+ Bài báo:

✓ Bài báo tiếng Anh:

[1] Tran Huu Cuong, Do Thi My Hanh, Nguyen Van Phuong, **Nguyen Anh Tru**, Dang Thi Kim Hoa, Do Thi Tuyet Mai, Tran Trong Nam (2012). A hedonic pricing analysis of the factors affecting to “Ban” pig wholesale price in some provinces of the Red River Delta area. *Journal of Science and Development*, English Issue 2, 189-199.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

[2] **Nguyen Anh Tru**, Do Thi My Hanh, Dang Thi Kim Hoa, Nguyen Van Phuong, Tran Huu Cuong (2012). Linkages in production and distribution of exported vegetables: Perspectives of farmers and firms in Luc Nam district, Bac Giang province, Vietnam. *The Journal of ISSAAS*, 18(1), 113-130.

[3] **Anh Tru Nguyen**, Janet Dzator, Andrew Nadolny (2015). Does contract farming improve productivity and income of farmers? A review of theory and evidence. *Journal of Developing Areas*, 49(6) (Special Issue), 531-538.

[4] **Anh Tru Nguyen**, Janet Dzator and Andrew Nadolny (2018). Contract farming, agriculture productivity and poverty reduction: evidence from tea estates in Viet Nam. *Asia-Pacific Sustainable Development Journal*, 25(1), 109-145.

[5] **Anh Tru Nguyen (2020)**. The relationship between food production, agricultural land, rice production, and rice price: An empirical study on Thailand and Viet Nam. *International Journal of Sustainable Agricultural Research*, 7(3), 98-108. DOI: 10.18488/journal.70.2020.73.98.108.

[6] **Nguyen Anh Tru**, Tran Huu Cuong & Vu Ngoc Huyen (2020). Development of high-tech agriculture in the context of industrialization and urbanization: The case of Vietnam. *Vietnam Journal of Agricultural Sciences*, 3(3), 663-678. DOI: <https://doi.org/10.31817/vjas.2020.3.3>

✓ Bài báo tiếng Việt:

[7] **Nguyễn Anh Tru (2018)**. Tổng quan về hợp đồng nông nghiệp và thuận lợi, khó khăn của nông dân trong hợp đồng nông nghiệp ở Việt Nam. *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*, số 11, trang 3-10.

+ Báo cáo khoa học trình bày tại hội thảo:

[1] **Anh Tru Nguyen**, Janet Dzator and Andrew Nadolny (2018). Contract farming and farm household income in Vietnam: The case of tea production in Phu Tho province, Vietnam. *Paper presented at the WEAI 14th International Conference*, Newcastle, Australia, 11–14 January 2018.

Trong đó, bài báo uy tín:

+ Số lượng: 02

+ Số thứ tự bài báo uy tín: [2], [3]

- Đề tài nghiên cứu khoa học các cấp:

+ Số lượng: 02 (01 đề tài KH&CN cấp Bộ và 01 đề tài KH&CN cấp Trường)

+ Đề tài cấp Bộ:

- ✓ Tên đề tài: Nghiên cứu giải pháp thúc đẩy liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ rau quả trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
- ✓ Vai trò: Thư ký đề tài
- ✓ Thời gian thực hiện: 24 tháng (04/2009 – 04/2011)
- ✓ Kết quả nghiệm thu: Khá

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
+ Đề tài cấp Trường:

- ✓ Tên đề tài: Tổ chức hoạt động tiêu thụ rau ở xã Đặng Xá, Gia Lâm, Hà Nội
- ✓ Vai trò: Chủ nhiệm đề tài
- ✓ Thời gian thực hiện: Năm 2005
- ✓ Kết quả nghiệm thu: Khá

- Sách phục vụ đào tạo:

+ 01 chương sách tham khảo: Trần Hữu Cường, Nguyễn Anh Tru, Đặng Thị Kim Hoa, Đỗ Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Mỹ (2012). **Chuyên đề 4: Liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản: Trường hợp nghiên cứu rau quả ở tỉnh Bắc Giang và mía đường ở tỉnh Thanh Hóa, trang 459-622**. Sách “Từ marketing đến chuỗi giá trị nông sản và thực phẩm: Cơ sở lý luận và thực tiễn”. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật – 2012.

- Hướng dẫn cao học:

- + Số lượng: 01 học viên cao học
- + Học viên cao học: **Nguyễn Thị Yên**
- + Đề tài: Nghiên cứu chuỗi giá trị thịt lợn của hợp tác xã Hoàng Long
- + Ngành: Quản trị kinh doanh

c) Hướng nghiên cứu 3: Quản lý kinh tế

- Những đóng góp mới của các kết quả nghiên cứu:

+ Về lý luận: (1) Góp phần hệ thống hóa các lý thuyết kinh tế và lý thuyết quản lý; và (2) Xây dựng các mô hình diễn tả sự liên quan giữa các yếu tố kinh tế, năng lượng và môi trường để từ đó đánh giá mối quan hệ và sự ảnh hưởng giữa các yếu tố.

+ Về thực tiễn: (1) Tổng quan các tài liệu nghiên cứu về quản lý kinh tế; (2) Đánh giá mối quan hệ và sự ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế, du lịch, năng lượng và môi trường (tăng trưởng kinh tế, doanh thu du lịch, tiêu thụ năng lượng, tiêu thụ nhiên liệu hóa thạch, mức độ ô nhiễm CO₂,...) ở các nước trên thế giới và Việt Nam thông qua sử dụng số liệu theo chuỗi thời gian; và (3) Đề xuất các chính sách góp phần phát triển kinh tế, quản lý năng lượng, bảo vệ môi trường và đảm bảo phát triển bền vững cho các quốc gia và khu vực trên thế giới.

+ Về giáo dục và đào tạo: Các kết quả nghiên cứu được sử dụng trong giảng dạy và hướng dẫn học viên và sinh viên các ngành Quản lý kinh tế, Quản trị kinh doanh.

+ Về tài liệu và bài giảng: Các kết quả nghiên cứu được sử dụng làm tư liệu giảng dạy đối với các học phần như Thị trường và giá cả nâng cao, Phân tích thị trường và giá cả.

- Bài báo và báo cáo khoa học:

- + Số lượng: 07 (06 bài báo và 01 báo cáo khoa học)
- + Bài báo:
- ✓ Bài báo tiếng Anh:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

[1] **Nguyen Anh Tru (2019)**. Carbon dioxide emissions and implications for environmental policy: Evidence in Southeast Asia. *Journal of Asian Energy Studies*, 3(1), 8-24. DOI: 10.24112/jaes.030002. Available at: <https://repository.hkbu.edu.hk/jaes/vol3/iss1/2>.

[2] **Anh Tru Nguyen (2019)**. Examining the relationships between energy use, fossil fuel consumption, carbon dioxide emissions, and economic growth in Southeast Asia. *Journal of Asian Energy Studies*, 3, 45-59. DOI: 10.24112/jaes.030005. Available at: <https://repository.hkbu.edu.hk/jaes/vol3/iss1/5>.

[3] **Anh Tru Nguyen (2019)**. The relationship between economic growth, energy consumption and carbon dioxide emissions: Evidence from Central Asia. *Eurasian Journal of Business and Economics*, 12(24), 1-15. DOI: <https://doi.org/10.17015/ejbe.2019.024.01>.

[4] **Anh Tru Nguyen (2020)**. The relationship between economic growth, oil production, energy consumption and carbon dioxide emissions: Evidence from selected OPEC countries. *Journal of Contemporary Economic and Business Issues*, 7(1), 5-20. Available at: <https://journals.ukim.mk/index.php/jeccf/article/view/1354/1263>.

[5] **Anh Tru Nguyen (2022)**. The relationship between tourism receipt, economic growth, inflation, energy consumption, and carbon dioxide emissions: Evidence in Southeast Asia. *e-Review of Tourism Research*, 19(01), 54-88.

✓ Bài báo tiếng Việt:

[6] **Nguyễn Anh Tru (2022)**. Thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp ở Việt Nam. *Tạp chí Môi trường*, số 7 năm 2022, trang 50-52.

+ Báo cáo khoa học trình bày tại hội thảo:

[1] **Nguyen Anh Tru, Tran Thi Thu Huong and Bui Thi Lam (2020)**. The circular economy in the agricultural sector of Viet Nam. *Paper presented in the Workshop on Circular Economy and Policy Implications for Viet Nam*. Ha Noi, 17 November 2020.

Trong đó, bài báo uy tín:

+ Số lượng: 01

+ Số thứ tự bài báo uy tín: [5]

- Đề tài nghiên cứu khoa học các cấp:

- Sách phục vụ đào tạo:

- Hướng dẫn cao học:

+ Số lượng: 02 học viên cao học

+ Các học viên cao học:

[1] **Trần Đại Uy**

+ Đề tài: Phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ

+ Ngành: Quản lý kinh tế

[2] Nguyễn Phương Hồng Vân

+ Đề tài: Huy động nguồn lực từ người dân trong xây dựng nông thôn mới tại huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ

+ Ngành: Quản lý kinh tế

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 03 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 02 cấp Bộ và 01 cấp Trường;
- Đã công bố (số lượng) 38 bài báo khoa học, trong đó 06 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 01, trong đó 01 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Không vi phạm đạo đức nhà giáo, không đang trong thời gian bị kỷ luật từ khiển trách trở lên hoặc thi hành án hình sự; trung thực, khách quan trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn khác.

- Có 22 năm 01 tháng làm nhiệm vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên.

- Hoàn thành nhiệm vụ được giao và thực hiện đủ số giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Sử dụng thành thạo tiếng Anh phục vụ cho công tác chuyên môn và có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh.

- Có đủ số điểm công trình khoa học quy đổi tối thiểu đối với chức danh phó giáo sư.

1) Kết quả đào tạo

- Có bằng TS cấp ngày 22 tháng 02 năm 2019.

- Thời gian đào tạo trình độ đại học: 22 năm và 01 tháng.

- Hoàn thành vượt mức số giờ giảng dạy chuẩn theo quy định.

- Hoàn thành hướng dẫn thực tập tốt nghiệp bậc đại học và cao học.

2) Kết quả nghiên cứu khoa học

- Đã công bố 38 bài báo khoa học, trong đó có 06 bài đăng trên các tạp chí khoa học uy tín thuộc hệ thống ISI và Scopus.

- Xuất bản 02 chương sách, trong đó có 01 chương sách tiếng Anh do NXB Elsevier xuất bản.

- Từ ngày 01 tháng 01 năm 2020: Xuất bản 11 bài báo trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
- Chủ trì 01 đề tài khoa học và công nghệ cấp Trường và kết quả nghiệm thu đạt loại khá.

- Là thư ký 02 đề tài cấp Bộ và kết quả nghiệm thu đạt loại khá và đạt.

- Hướng dẫn 03 học viên được cấp bằng thạc sĩ.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 22 năm 01 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2012-2013				13	817	30	847/2222,9/280
2	2013-2014				06	502		502/1307,6/280
3	2019-2020				09	495		495/1104,7/270
03 năm học cuối								
4	2020-2021				10	480	120	600/1183,2/280
5	2021-2022			01	19	480	60	540/1268,4/280
6	2022-2023			02	13	540	120	660/1598,8/280

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ☐ ThS ☒ hoặc luận ☐ án TS hoặc TSKH; tại nước: Australia năm 2018

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bản, chứng chỉ): tiếng Anh C

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Yến		HVCH	X		08/2021-04/2022	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Bằng thạc sĩ cấp ngày 20/09/2022
2	Trần Đại Uy		HVCH	X		012/2021-09/2022	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Bằng thạc sĩ cấp ngày 10/04/2023
3	Nguyễn Phương Hồng Vân		HVCH	X		12/2021-09/2022	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Bằng thạc sĩ cấp ngày 10/04/2023

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1	Từ marketing đến chuỗi giá trị nông sản và thực phẩm: Cơ sở lý luận và thực tiễn	TK	NXB Chính trị Quốc gia Sự thật - 2012	05	Trần Hữu Cường	459-622	Quyết định xuất bản số 1850-QĐ/NXBCTQG ngày 19/06/2012
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Waking the Asian Pacific Co-operative Potential	TK	NXB Elsevier - 2020	03	Morris Altman, Anthony Jensen, Akira Kurimoto, Robby Tulus, Yashavantha Dongre, Seungkwon Jang	203-214	ISBN: 978-0-12-816666-6

Trong đó: 01 chương sách do nhà xuất bản Elsevier xuất bản, mà ứng viên là tác giả chính viết Chương 18: **Nguyen Anh Tru**, Dang Thi Kim Hoa and Nguyen Trong Tuynh (2020).

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1	Tổ chức hoạt động tiêu thụ rau ở xã Đặng Xá, Gia Lâm, Hà Nội	CN	T2005-05-74 Đề tài KH&CN cấp Trường	2005	Thời gian nghiệm thu: 11/03/2006 Xếp loại kết quả: Khá
2	Nghiên cứu giải pháp thúc đẩy liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ rau quả trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	TK	B2009-11-138 Đề tài KH&CN cấp Bộ	04/2009-04/2011	Thời gian nghiệm thu: 09/08/2011 Xếp loại kết quả: Khá
3	Nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố nguồn lực (đất đai, lao động, vốn và trình độ đào tạo) đến thu nhập của nông hộ khu vực miền Trung Việt Nam	TK	B2013-11-25 Đề tài KH&CN cấp Bộ	01/2013-12/2014	Thời gian nghiệm thu: 24/03/2016 Xếp loại kết quả: Đạt
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1	Phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân thành phố Hà Nội phục vụ xây dựng Chương trình công tác của Thành ủy giai đoạn 2021 – 2025	Thành viên chính	01C-05/01-2021-1 Đề tài KH&CN cấp Thành phố	01-06/2021	Thời gian nghiệm thu: 28/07/2021 Xếp loại kết quả: Khá

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Opportunities for farmers: “safe” vegetables for Hanoi	05	Đồng tác giả	LEISA ISSN: 1569-8424	Tạp chí quốc tế	07	21(2), 28-29	06/2005
2	The traditional vegetable retail marketing system of Hanoi and the possible impacts of Supermarkets	05	Đồng tác giả	Acta Horticulturae ISSN: 0567-7572 (print) 2406-6168 (electronic)	Tạp chí quốc tế	25	699, 465-473	01/2006
3	Factors affecting lychee productivity and the choices of fresh lychee marketing channels of producers in Thanhha district, Haiduong province, Vietnam	01	Tác giả chính	Journal of Science and Development	Tạp chí trong nước	7	7(1), 123-129	07/2009
4	Competitive capacity of urea product of Ha Bac urea and chemical company limited	03	Tác giả chính	Journal of Science and Development	Tạp chí trong nước		8(2), 237-243	07/2010
5	A hedonic pricing analysis of the factors affecting to “Ban” pig wholesale price in some provinces of the Red River Delta area	07	Đồng tác giả	Journal of Science and Development	Tạp chí trong nước		English Issue 2, 189-199	02/2012
6	Linkages in production and distribution of	05	Tác giả chính	The Journal of ISSAAS	Tạp chí quốc tế Scopus (IF=0.411; H-Index=9)	9	18(1), 113-130	06/2012

	exported vegetables: Perspectives of farmers and firms in Luc Nam district, Bac Giang province, Vietnam							
7	Study on satisfaction of domestic tourists on the quality of tourism services in Duong Lam ancient village	05	Đồng tác giả	Journal of Science and Development	Tạp chí trong nước		12(4), 620-634	07/2014
8	Does contract farming improve productivity and income of farmers? A review of theory and evidence	03	Tác giả chính	Journal of Developing Areas	Tạp chí quốc tế	66	49(6) (Special Issue), 531-538	04/2015
9	Problems in marketing channels of lychee: Case study in Luc Ngan district, Northern Vietnam	06	Đồng tác giả	Greener Journal of Agricultural Sciences	Tạp chí quốc tế		7(2), 039-046	03/2017
10	Impacts of macroeconomic indicators on economic growth in Southeast Asia: A panel data analysis	01	Tác giả chính	Journal of Economics and Business Research	Tạp chí quốc tế	01	23(2), 111-128	02/2017
11	Energy use and policy implications for energy security in Asia: A panel data approach	01	Tác giả chính	Journal of Asian Energy Studies	Tạp chí quốc tế	01	2(1), 10-28	05/2018
12	Tổng quan về hợp đồng nông nghiệp và thuận lợi, khó khăn	01	Tác giả chính		Tạp chí trong nước		Số 11, trang 3-10	06/2018

	của nông dân trong hợp đồng nông nghiệp ở Việt Nam			Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn				
13	Determinants affecting economic growth: The case of Viet Nam	01	Tác giả chính	International Journal of Business & Economics	Tạp chí quốc tế	05	3(1), 1-11	08/2018
14	Examining the relationship between tourism and economic growth in Southeast Asia: A vector autoregressive model approach	01	Tác giả chính	International Tourism and Hospitality Journal	Tạp chí quốc tế	01	1(2), 1-17	10/2018
15	The relationship among economic growth, trade, unemployment, and inflation in South Asia: A vector autoregressive model approach	01	Tác giả chính	Asian Journal of Economics and Empirical Research	Tạp chí quốc tế	04	5(2), 165-172	10/2018
16	Contract farming, agriculture productivity and poverty reduction: evidence from tea estates in Viet Nam	03	Tác giả chính	Asia-Pacific Sustainable Development Journal	Tạp chí quốc tế	06	25(1), 109-145	11/2018
17	Enhancement of trade and investment in agriculture between Australia and Vietnam: Opportunities and challenges	02	Đồng tác giả	Asian Journal of Agriculture and Development	Tạp chí quốc tế ISI		15(2), 93-108	12/2018
18	The relationship between external debt,	01	Tác giả chính	Journal of Economics and	Tạp chí quốc tế	05	1(2), 129-140	12/2018

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	economic growth, unemployment and national expenditure in Viet Nam: A vector autoregressive model approach			Management Sciences				
II	Sau khi được công nhận TS							
1	Carbon dioxide emissions and implications for environmental policy: Evidence in Southeast Asia	01	Tác giả chính	Journal of Asian Energy Studies	Tạp chí quốc tế		3(1), 8-24	03/2019
2	The relationship between economic growth, foreign direct investment and unemployment in Central Asia: A vector autoregressive model approach	01	Tác giả chính	Journal of Contemporary Economic and Business Issues	Tạp chí quốc tế	02	6(1), 5-19	03/2019
3	The relationship between trade openness, economic growth, exchange rate and tariff rate: Evidence from Northeast Asia	01	Tác giả chính	Journal of Management and Economic Studies	Tạp chí quốc tế	02	1(5), 10-22	06/2019
4	The relationship between financial development, economic growth, and inflation: Evidence from Southeast Asia	01	Tác giả chính	International Journal of Business, Economics and Management	Tạp chí quốc tế	01	6(4), 201-214	08/2019

5	Examining the relationships between energy use, fossil fuel consumption, carbon dioxide emissions, and economic growth in Southeast Asia	01	Tác giả chính	Journal of Asian Energy Studies	Tạp chí quốc tế		3, 45-59	08/2019
6	The relationship between education, economic growth and unemployment: Evidence in Eastern Europe	01	Tác giả chính	European Journal of Educational and Social Sciences	Tạp chí quốc tế	02	4(1), 55-72	05/2019
7	The relationship between economic growth, energy consumption and carbon dioxide emissions: Evidence from Central Asia	01	Tác giả chính	Eurasian Journal of Business and Economics	Tạp chí quốc tế	17	12(24), 1-15	11/2019
8	Does contract farming enhance income of farmers? Evidence in tea production of Vietnam	01	Tác giả chính	The Journal of Agricultural Sciences - Sri Lanka	Tạp chí quốc tế Scopus (IF=0.831; H-Index=3)		15(1), 37-49	01/2020
9	The relationship between economic growth, oil production, energy consumption and carbon dioxide emissions: Evidence from selected OPEC countries	01	Tác giả chính	Journal of Contemporary Economic and Business Issues	Tạp chí quốc tế		7(1), 5-20	03/2020
10	The relationship between tourism	01	Tác giả chính	Journal of Tourism	Tạp chí quốc tế	05	7(1), 32-41	04/2020

	and economic growth: Evidence from Oceania			Management Research				
11	The relationship between food production, agricultural land, rice production, and rice price: An empirical study on Thailand and Viet Nam	01	Tác giả chính	International Journal of Sustainable Agricultural Research	Tạp chí quốc tế	01	7(3), 98-108	05/2020
12	Development of high-tech agriculture in the context of industrialization and urbanization: The case of Vietnam	03	Tác giả chính	Vietnam Journal of Agricultural Sciences	Tạp chí trong nước	04	3(3), 663-678	11/2020
13	The impacts of social and economic determinants on poverty: An empirical study on Southeast Asia	01	Tác giả chính	Vietnam Journal of Agricultural Sciences	Tạp chí trong nước		5(2), 1506-1518	05/2022
14	The relationship between crude oil prices, energy consumption, trade openness and economic growth: An empirical study on Vietnam	01	Tác giả chính	Journal of International Studies	Tạp chí quốc tế Scopus Q2 (IF=2.33; H-Index=22)		15(2), 94-106	05/2022
15	Thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp ở Việt Nam	01	Tác giả chính	Tạp chí Môi trường	Tạp chí trong nước		7, 50-52	08/2022
16	The relationship between tourism receipt,	01	Tác giả chính	e-Review of Tourism Research	Tạp chí quốc tế Scopus Q3	01	19(01), 54-88	10/2022

	economic growth, inflation, energy consumption, and carbon dioxide emissions: Evidence in Southeast Asia				(IF=0.61; H-Index=10)			
17	Phát triển thị trường khoa học và công nghệ trong nông nghiệp ở Việt Nam	04	Đồng tác giả	Tạp chí Khoa học & Công nghệ Việt Nam	Tạp chí trong nước		10, 13-16	10/2022
18	The relationship between economic growth, foreign direct investment, trade openness, and unemployment in South Asia	01	Tác giả chính	Asian Academy of Management Journal	Tạp chí quốc tế Scopus Q3 (IF=1.204; H-Index=16)	01	27(2), 21-40	12/2022
19	The relationship between carbon dioxide emissions, energy consumption, economic growth, and urbanization in Vietnam	01	Tác giả chính	Proceedings of International Conference on Climate Change and Sustainability Management in Vietnam and Taiwan (ICCSM-2020)	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế (ISBN: 978-604-65-5327-4) NXB Lao động – Xã hội. Tháng 10 – 2020.		Trang 1-12	10/2020
20	Effects of economic growth, industrialization, and urbanization on carbon dioxide emissions: Evidence from Vietnam	04	Tác giả chính	Proceedings of 13 th International Conference on Socio-Economic and Environmental Issues in Development	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế (ISBN: 978-604-79-2811-8) NXB Tài chính. Tháng 06 – 2021.		Trang 943-960	06/2021
21	The nexus between trade openness, economic growth, foreign direct	01	Tác giả chính	Proceedings of the International Conference of Business and Economics Issues for	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế (ISBN: 978-604-386-216-4)		Trang 165-186	06/2021

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

investment, and exchange rate: An empirical study on Viet Nam			Building a More Sustainable and Socially Responsible Economy				
---	--	--	---	--	--	--	--

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: 04 ([8] [14] [16] [18])

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☒

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: **01 bài báo đăng trên Tạp chí quốc tế Scopus: Anh Tru Nguyen (2020). Does contract farming enhance income of farmers? Evidence in tea production of Vietnam. The Journal of Agricultural Sciences - Sri Lanka, 15(1), 37-49. Available at <http://doi.org/10.4038/jas.v15i1.8670>.**

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Anh Tru